

ĐỀ CƯƠNG MÔN LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ

Mục Lục

| | |
|--|----------|
| Nhóm câu 10 điểm..... | 3 |
| Câu 1. Chủ thể của quan hệ nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự chỉ có thể là cá nhân..... | 3 |
| Câu 2. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân chấm dứt khi cá nhân đó bị tuyên bố là đã chết..... | 3 |
| Câu 3. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi của cá nhân phát sinh cùng một thời điểm..... | 3 |
| Câu 4. Trong mọi trường hợp, người chưa thành niên đều phải có người giám hộ..... | 3 |
| Câu 5. Mọi pháp nhân đều có năng lực chủ thể như nhau..... | 3 |
| Câu 6. Năng lực chủ thể của tổ hợp tác do pháp luật quy định. | 4 |
| Câu 7. Trong mọi trường hợp, tài sản riêng của các thành viên trong hộ gia đình không được dùng để chi trả cho các nghĩa vụ của hộ gia đình. | 4 |
| Câu 8. Mọi hành vi đều là hành vi pháp lý. | 4 |
| Câu 9. Mọi giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối đều là giao dịch dân sự vô hiệu toàn bộ..... | 4 |
| Câu 10. Giao dịch dân sự bị tuyên bố vô hiệu không phát sinh hiệu lực từ thời điểm xác lập giao dịch. . | 4 |
| Câu 11. Giao dịch do người không có thẩm quyền xác lập thì luôn luôn không có giá trị pháp lý..... | 4 |
| Câu 12. Mọi thoả thuận của các chủ thể đều là hợp đồng..... | 5 |
| Câu 13. Thời hiệu hưởng quyền dân sự là thời hạn mà chủ thể được hưởng quyền dân sự ngay từ khi bắt đầu thời hạn đó. | 5 |
| Câu 14. Mọi tài sản đều là hàng hoá..... | 5 |
| Câu 15. Mọi trường hợp chuyển giao quyền sử dụng tài sản thì phải chuyển giao quyền chiếm hữu tài sản đó. | 5 |
| Câu 16. Chỉ chủ sở hữu mới được thực hiện quyền định đoạt. | 5 |
| Câu 17. Chủ sở hữu có quyền kiện đòi trả lại tài sản của mình nếu tài sản đó bị người khác chiếm hữu trái pháp luật..... | 5 |
| Câu 18. Di chúc bằng văn bản và di chúc bằng miệng đều có giá trị pháp lý như nhau..... | 6 |
| Câu 19. Vợ chồng đã ly hôn không thể là người thừa kế di sản của nhau. | 6 |
| Câu 20. Mọi tranh chấp về kinh doanh thương mại đều thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án dân sự. | 6 |
| Câu 21. Mọi phiên toà xét xử các vụ án dân sự phải được toà án tiến hành công khai. | 6 |
| Câu 22. Toà án có trách nhiệm hoà giải tất cả các vụ việc dân sự..... | 6 |
| Câu 23. Tất cả các vụ việc dân sự được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đều phải có hội thẩm nhân dân tham gia. | 6 |
| Câu 24. Đối với tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì chỉ tòa án nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của bị đơn mới có thẩm quyền giải quyết..... | 7 |

| | |
|--|-----------|
| Nhóm câu 30 điểm: | 7 |
| Câu 1. Hãy nêu khái niệm và phân tích về khách thể của quan hệ pháp luật dân sự? | 7 |
| Câu 2. Anh (Chị) hãy phân tích về năng lực pháp luật dân sự của cá nhân? | 8 |
| Câu 3. Hãy trình bày sự khác nhau giữa giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối và giao dịch dân sự vô hiệu tương đối? | 8 |
| Câu 4. Hãy so sánh giữa giám hộ và đại diện?..... | 9 |
| Câu 5. Hãy phân tích khái niệm tài sản được quy định tại Bộ luật dân sự 2005?..... | 10 |
| Câu 6. Hãy phân tích các căn cứ xác lập quyền sở hữu?..... | 11 |
| Câu 7. Hãy so sánh giữa thừa kế theo pháp luật và thừa kế theo di chúc?..... | 11 |
| Câu 8. Hãy phân tích về đối tượng điều chỉnh của luật tố tụng dân sự? | 12 |
| Nhóm câu 20 điểm: | 13 |
| Câu 1. Hãy nêu khái niệm và phân tích các đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự? | 13 |
| Câu 2. Anh (Chị) hãy phân tích về năng lực hành vi dân sự của cá nhân?..... | 13 |
| Câu 3. Hãy phân tích các loại người giám hộ?..... | 14 |
| Câu 4. Hãy nêu khái niệm và phân tích các điều kiện của pháp nhân? | 15 |
| Câu 5. Hãy phân tích nội dung của quan hệ pháp luật dân sự? | 16 |
| Câu 6. Hãy trình bày hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu?..... | 16 |
| Câu 7. Hãy nêu các khái niệm: Hợp đồng đơn vụ, hợp đồng song vụ, hợp đồng có đền bù và hợp đồng không có đền bù?..... | 17 |
| Câu 8. Hãy phân tích về chế độ pháp lý đối với vật? | 17 |
| Câu 9. Hãy phân tích về quyền chiếm hữu tài sản trong dân sự? | 18 |
| Câu 10. Hãy phân tích về quyền sử dụng tài sản trong dân sự? | 18 |
| Câu 11. Hãy phân tích về quyền định đoạt tài sản trong dân sự?..... | 19 |
| Câu 12. Hãy nêu khái niệm và phân loại thời hạn?..... | 19 |
| Câu 13. Hãy nêu khái niệm và phân loại thời hiệu?..... | 20 |
| Câu 14. Hãy phân tích các nguyên tắc của quyền thừa kế? | 20 |
| Câu 15. Hãy trình bày về hiệu lực pháp luật của di chúc?..... | 21 |
| Câu 16. Hãy nêu khái niệm, điều kiện và phạm vi khởi kiện vụ án dân sự? | 22 |

Nhóm câu 10 điểm.

Câu 1. Chủ thể của quan hệ nhân thân thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự chỉ có thể là cá nhân.

Sai. Vì quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người với người về 1 giá trị nhân thân của cá nhân hay các tổ chức. Do vậy, trong quan hệ nhân thân, giả sử bên chủ thể sở hữu quyền nhân thân là cá nhân thì chủ thể còn lại có thể là cá nhân hoặc tổ chức.

Câu 2. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân chấm dứt khi cá nhân đó bị tuyên bố là đã chết.

Sai. Vì năng lực pháp luật dân sự của cá nhân chấm dứt khi người đó chết, tức là thực sự chết về mặt sinh học. Còn cá nhân bị tuyên bố là đã chết nhưng chưa thực sự chết về mặt sinh học thì tuyên bố không có hiệu lực, năng lực pháp luật của cá nhân đó sẽ được khôi phục khi cá nhân đó trở về.

Câu 3. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi của cá nhân phát sinh cùng một thời điểm.

Sai. Vì theo quy định của BLDS 2005 thì năng lực pháp luật của cá nhân có từ khi sinh ra (trừ trường hợp người đã thành thai vào thời điểm mở thừa kế vẫn có quyền hưởng thừa kế), nhưng năng lực hành vi của cá nhân có khi cá nhân đó đạt đến một độ tuổi nhất định và phụ thuộc vào trình độ nhận thức.

Câu 4. Trong mọi trường hợp, người chưa thành niên đều phải có người giám hộ.

Sai. Vì những người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi không bắt buộc phải có người giám hộ nếu họ phát triển bình thường về thể chất.

Câu 5. Mọi pháp nhân đều có năng lực chủ thể như nhau.

Sai. Vì mỗi pháp nhân được thành lập đều có mục đích và nhiệm vụ nhất định. Bởi vậy năng lực chủ thể của pháp nhân phải phù hợp với mục đích hoạt động của pháp nhân đó. Việc thay đổi mục đích hoạt động dẫn đến thay đổi năng lực chủ thể của pháp nhân. Năng lực chủ thể của pháp nhân là chuyên biệt, phù hợp với mục đích và lĩnh vực hoạt động của nó. Bởi vậy, các pháp nhân khác nhau có năng lực chủ thể khác nhau.

Câu 6. Năng lực chủ thể của tổ hợp tác do pháp luật quy định.

Sai. Vì năng lực chủ thể của tổ hợp tác là năng lực chuyên biệt – chỉ được thực hiện những công việc đã ghi nhận trong hợp đồng hợp tác. Do đó, năng lực chủ thể của tổ hợp tác được giới hạn trên cơ sở hợp đồng.

Câu 7. Trong mọi trường hợp, tài sản riêng của các thành viên trong hộ gia đình không được dùng để chi trả cho các nghĩa vụ của hộ gia đình.

Sai. Vì trách nhiệm của hộ gia đình được thực hiện bằng tài sản chung của hộ, nếu tài sản chung của hộ không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung của hộ thì các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới bằng tài sản riêng của mình.

Câu 8. Mọi hành vi đều là hành vi pháp lý.

Sai. Vì hành vi là 1 chuỗi các hành động lặp đi lặp lại của cơ thể, phục vụ mục đích cụ thể nào đó. Còn hành vi pháp lý là hành vi có mục đích của chủ thể nhằm làm phát sinh hậu quả pháp lý. Hành vi pháp lý bao gồm hành vi hợp pháp và hành vi bất hợp pháp.

Câu 9. Mọi giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối đều là giao dịch dân sự vô hiệu toàn bộ.

Sai. Nếu giao dịch mua bán có nhiều loại tài sản khác nhau, trong đó có loại tài sản trao đổi hợp pháp (quần áo) và loại tài sản trao đổi bất hợp pháp (vũ khí). Suy ra lô hàng trao đổi vũ khí vô hiệu tuyệt đối, còn lô hàng quần áo vẫn có hiệu lực. Vậy đây là giao dịch vô hiệu từng phần chứ không phải giao dịch vô hiệu toàn bộ.

Câu 10. Giao dịch dân sự bị tuyên bố vô hiệu không phát sinh hiệu lực từ thời điểm xác lập giao dịch.

Sai. Vì giao dịch dân sự vô hiệu tương đối chỉ trở nên vô hiệu khi có đơn yêu cầu của người có quyền, liên quan và bị TA tuyên bố vô hiệu. Thời hạn khởi kiện là 2 năm kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập. Nếu không có đơn yêu cầu thì giao dịch đó vẫn có hiệu lực.

Câu 11. Giao dịch do người không có thẩm quyền xác lập thì luôn luôn không có giá trị pháp lý.

Sai. Vì đối với giao dịch dân sự không đúng thẩm quyền mà người đại diện không chấp nhận thì không có giá trị pháp lý. Nhưng người đại diện mà chấp nhận thì giao dịch đó được coi là có giá trị pháp lý.

Câu 12. Mọi thỏa thuận của các chủ thể đều là hợp đồng.

Sai. Vì hợp đồng là sự thỏa thuận của các bên khi tham gia vào giao dịch dân sự. Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi tuân theo đúng các quy định pháp luật. Do đó, các thỏa thuận trái pháp luật không phải là hợp đồng.

Câu 13. Thời hiệu hưởng quyền dân sự là thời hạn mà chủ thể được hưởng quyền dân sự ngay từ khi bắt đầu thời hạn đó.

Sai. Vì theo khoản 1 điều 155 BLDS 2005 quy định thời hiệu hưởng quyền dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự.

Câu 14. Mọi tài sản đều là hàng hoá.

Sai. Vì tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và các quyền tài sản. Còn hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi hay buôn bán. Đất đai, tài nguyên thiên nhiên là tài sản nhưng không phải là hàng hóa vì không gắn với lao động xã hội.

Câu 15. Mọi trường hợp chuyển giao quyền sử dụng tài sản thì phải chuyển giao quyền chiếm hữu tài sản đó.

Sai. Vì có 1 số trường hợp chủ sở hữu cho sử dụng tài sản mà không chuyển quyền chiếm hữu. Ví dụ: cho thuê ô tô mà người lái xe là người làm công việc của chủ sở hữu, người sử dụng máy vi tính ngay tại nhà của chủ sở hữu...

Câu 16. Chỉ chủ sở hữu mới được thực hiện quyền định đoạt.

Sai. Vì chủ sở hữu có thể ủy quyền cho người khác định đoạt tài sản của mình. Khi đó người được ủy quyền hoàn toàn có thể định đoạt tài sản đó sao cho phù hợp với ý chí và lợi ích của chủ sở hữu.

Câu 17. Chủ sở hữu có quyền kiện đòi trả lại tài sản của mình nếu tài sản đó bị người khác chiếm hữu trái pháp luật.

Sai. Vì đối với những người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, nếu việc chiếm hữu tài sản đã đạt được thời hạn nhất định mà không bị gián đoạn về mặt thời gian thì họ được hưởng quyền xác lập quyền sở hữu theo thời hạn. Và khi đó chủ sở hữu cũ của tài sản không có quyền đòi lại tài sản.

Câu 18. Di chúc bằng văn bản và di chúc bằng miệng đều có giá trị pháp lý như nhau.

Sai. Vì di chúc bằng miệng chỉ được công nhận là hợp pháp khi người lập di chúc ở trong tình trạng tính mạng bị đe dọa nghiêm trọng mà không thể lập di chúc viết được và phải có ít nhất 2 người làm chứng. Sau 3 tháng kể từ ngày lập di chúc, nếu người lập di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng hủy bỏ.

Di chúc bằng văn bản được lập bất cứ khi nào theo ý muốn của người lập di chúc. Ngay khi người đó chết thì di chúc sẽ có hiệu lực, khác với di chúc bằng miệng.

Câu 19. Vợ chồng đã ly hôn không thể là người thừa kế di sản của nhau.

Sai. Vì nếu trong di chúc của người vợ hoặc chồng cũ có chỉ định người còn lại được hưởng di sản thừa kế thì họ vẫn có quyền nhận di sản do vợ hoặc chồng cũ để lại theo sự định đoạt trong di chúc.

Câu 20. Mọi tranh chấp về kinh doanh thương mại đều thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án dân sự.

Sai. Vì tòa án dân sự có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp thương mại nếu trước và sau khi phát sinh tranh chấp các bên không có thỏa thuận trọng tài hoặc có thỏa thuận trọng tài nhưng bị vô hiệu. Còn nếu các bên có văn bản thỏa thuận yêu cầu giải quyết bằng trọng tài thương mại, trọng tài sẽ giải quyết tranh chấp, không cần sự can thiệp của Tòa dân sự.

Câu 21. Mọi phiên tòa xét xử các vụ án dân sự phải được tòa án tiến hành công khai.

Sai. Vì trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, giữ gìn bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư của cá nhân theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì tòa án xét xử kín.

Câu 22. Tòa án có trách nhiệm hoà giải tất cả các vụ việc dân sự.

Sai. Vì theo điều 181 BLTTDS 2004 thì có những vụ án dân sự không được hòa giải. Đó là yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước và những vụ án dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội.

Câu 23. Tất cả các vụ việc dân sự được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đều phải có hội thẩm nhân dân tham gia.

Sai. Vì vụ việc dân sự được chia thành vụ án dân sự và việc dân sự. Các vụ án dân sự khi giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đều phải có hội thẩm nhân dân tham gia. Còn các việc dân sự như giải quyết việc ly hôn, ly thân thì không nhất thiết phải có hội thẩm nhân dân.

Câu 24. Đối với tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì chỉ tòa án nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của bị đơn mới có thẩm quyền giải quyết.

Sai. Vì theo điểm g khoản 1 điều 36 BLTTDS 2004, nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết.

Nhóm câu 30 điểm:

Câu 1. Hãy nêu khái niệm và phân tích về khách thể của quan hệ pháp luật dân sự?

- Khách thể của quan hệ pháp luật dân sự là những cái mà các chủ thể của quan hệ pháp luật hướng tới, tác động vào. Nói cách khác, là những lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần mà pháp luật bảo vệ cho các chủ thể trong quan hệ pháp luật.
- Khách thể của quan hệ pháp luật dân sự được chia thành 5 nhóm sau:
 - + Tài sản: Theo quy định tại điều 163 BLDS 2005, tài sản bao gồm vật, tiền, các giấy tờ có giá và các quyền tài sản.
 - + Hành vi và các dịch vụ:
 - Hành vi của chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ là khách thể của quan hệ nghĩa vụ. Đó là xử sự của các chủ thể được thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động.
 - Dịch vụ là 1 hoặc nhiều công việc mà kết quả của nó có thể vật chất hóa nhưng nó không tạo ra vật mới mà nó được thể hiện bằng công việc đã thực hiện xong như sửa chữa tài sản... hoặc không được vật chất hóa như dịch vụ tư vấn pháp lý, gửi giữ, vận tải...
 - + Kết quả của hoạt động sáng tạo:
 - Các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học... được thể hiện dưới nhiều dạng khác nhau như viết, nói, hay bằng các phương tiện kỹ thuật...
 - Các đối tượng của sở hữu công nghiệp là sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp...
 - + Các giá trị nhân thân:
 - Là khách thể trong các quyền nhân thân của cá nhân, tổ chức.
 - Quyền nhân thân như là 1 bộ phận cấu thành của quyền con người như danh dự, nhân phẩm, uy tín, tên gọi, quốc tịch, hình ảnh, bí mật đời tư...
 - + Quyền sử dụng đất:
 - Đây là 1 loại tài sản đặc biệt của nhà nước.
 - Quyền sử dụng đất được pháp luật quy định là 1 quyền dân sự và có thể được chuyển giao trong lưu thông dân sự, kinh tế. Vì vậy, nó là đối tượng trong các hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và là di sản trong việc thừa kế quyền sử dụng đất.

Câu 2. Anh (Chị) hãy phân tích về năng lực pháp luật dân sự của cá nhân?

- Khái niệm: Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và có nghĩa vụ dân sự.
- Đặc điểm:
 - + Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân được nhà nước ghi nhận trong các văn bản pháp luật mà nội dung của nó phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội; vào hình thái kinh tế - xã hội tại thời điểm lịch sử nhất định.
 - + Mọi cá nhân đều bình đẳng về năng lực pháp luật.
 - + Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân do nhà nước quy định cho tất cả cá nhân nhưng nhà nước cũng không cho phép công dân tự hạn chế năng lực pháp luật của chính họ và của cá nhân khác.
 - + Tính đảm bảo của năng lực pháp luật dân sự.
- Nội dung:

Nội dung năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho cá nhân.

Có thể chia quyền dân sự của cá nhân thành 3 nhóm chính:

- + Quyền nhân thân không gắn với tài sản và quyền nhân thân gắn với tài sản.
- + Quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, quyền thừa kế.
- + Quyền tham gia vào quan hệ dân sự và có các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ các quan hệ đó.
- Bắt đầu và chấm dứt năng lực pháp luật dân sự của cá nhân:

“Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết”

Ngoại lệ: trường hợp người đã thành thai vào thời điểm mở thừa kế vẫn có quyền hưởng thừa kế.

Câu 3. Hãy trình bày sự khác nhau giữa giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối và giao dịch dân sự vô hiệu tương đối?

Giao dịch dân sự vô hiệu là giao dịch không tuân thủ 1 trong các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:

- Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự.
- Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.
- Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện.

| Tiêu chí | Vô hiệu tuyệt đối | Vô hiệu tương đối |
|-------------------------|--|--|
| Trình tự | Mặc nhiên bị coi là vô hiệu | Không mặc nhiên vô hiệu mà chỉ trở nên vô hiệu khi có đơn yêu cầu của người có quyền, liên quan và bị tòa tuyên bố vô hiệu |
| Về thời gian yêu cầu TÁ | Không hạn chế. Lưu ý: vô hiệu do vi phạm về hình thức cũng là vô hiệu tuyệt đối nhưng | Thời hạn là 2 năm kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập. |

| | | |
|---|--|---|
| tuyên vô hiệu | thời hạn yêu cầu là 2 năm. | |
| Về bản chất | Vô hiệu không phụ thuộc vào quyết định của TA mà đương nhiên không có giá trị vì giao dịch vi phạm pháp luật nghiêm trọng cho nên nhà nước không bảo hộ. | Vô hiệu phụ thuộc vào quyết định của TA. Bên yêu cầu phải có nghĩa vụ chứng minh. |
| Về mục đích | Nhằm bảo vệ lợi ích công (lợi ích nhà nước, lợi ích xã hội nói chung) | Bảo vệ lợi ích cho chính chủ thể tham gia giao dịch. |
| Các trường hợp vô hiệu (theo BLDS 2005) | Điều 128: Vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội. Điều 129: Vô hiệu do giả tạo. Điều 134: Vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức. | Điều 130: Vô hiệu do người chưa thành niên, người mất NLHV dân sự, người bị hạn chế NLHV dân sự thực hiện. Điều 131: Vô hiệu do bị nhầm lẫn. Điều 132: Vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa. Điều 133: Vô hiệu do người xác lập không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình. |

Câu 4. Hãy so sánh giữa giám hộ và đại diện?

❖ Giống:

- Chủ thể: Người giám hộ và người đại diện đều phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Tư cách khi giao dịch: Đều đại diện cho người được giám hộ hay người được đại diện khi tham gia các giao dịch dân sự vì lợi ích của những người này. Do đó cả người đại diện hay người giám hộ phải có nghĩa vụ tách bạch về tư cách khi giao dịch.
- Hậu quả pháp lý: Người giám hộ và người đại diện khi chấm dứt quan hệ đều phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tài sản.

❖ Khác:

| Tiêu chí | Giám hộ | Đại diện |
|------------------------------|--|--|
| Loại chủ thể | Người được giám hộ là cá nhân. Người giám hộ có thể là cá nhân hoặc tổ chức. | Người được đại diện có thể là cá nhân hoặc pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác. Người đại diện là cá nhân. |
| Năng lực chủ thể | Người giám hộ phải có NLHVDS đầy đủ và thỏa mãn các điều kiện do pháp luật quy định. Người được giám hộ là người chưa thành niên, người mất NLHVDS. | Người đại diện về cơ bản phải có HVNLDS đầy đủ. Ngoại lệ người từ đủ 15t đến chưa đủ 18t có thể là người đại diện ủy quyền. Người được đại diện là người chưa thành niên. |
| Mối quan hệ giữa các chủ thể | Giữa người giám hộ và người được giám hộ giới hạn trong những mối quan hệ đặc biệt, thường là quan hệ có liên quan đến hôn nhân huyết thống | Giữa người đại diện và người được đại diện có thể tồn tại dưới nhiều dạng quan hệ khác nhau. |

| | | |
|-------------------|--|---|
| | hoặc nuôi dưỡng. | |
| Căn cứ xác lập | Giám hộ đương nhiên, giám hộ cử. Không có trường hợp giám hộ được xác lập trên cơ sở ý chí của 1 bên trong quan hệ. | Đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền. Đối với đại diện theo ủy quyền thì có thể xảy ra việc đại diện được xác lập theo ý chí của người được đại diện. |
| Mục đích | Người giám hộ tham gia quan hệ giám hộ để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích của người chưa thành viên, người mất NLHVDS. | Người đại diện trong phạm vi đại diện xác lập, thực hiện giao dịch dân sự nhân danh và vì lợi ích của người được đại diện. |
| Phạm vi | Quan hệ giám hộ có phạm vi hẹp hơn quan hệ đại diện, chủ yếu thể hiện trong sinh hoạt hàng ngày. | Quan hệ đại diện rộng hơn quan hệ giám hộ, thể hiện trong các lĩnh vực khác nhau. |
| Quyền và nghĩa vụ | Do pháp luật quy định, chủ yếu pháp luật đặt ra các quyền và nghĩa vụ cho người giám hộ. | Quyền và nghĩa vụ gắn liền với phạm vi đại diện, trong đó về cơ bản pháp luật quy định hoặc các bên thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của cả người đại diện và người được đại diện. |
| Giám sát | Phải có người giám sát việc giám hộ, là người do những người thân thích của người được giám hộ cử hoặc do UBND cấp xã cử, người này độc lập với người giám hộ. | Pháp luật không đặt ra việc giám sát người đại diện thực hiện công việc đại diện, hoàn toàn do người được đại diện tự giám sát. |
| Chấm dứt quan hệ | Quan hệ giám hộ không thể chấm dứt trên cơ sở ý chí đơn phương của người được giám hộ. | Có thể chấm dứt trên cơ sở ý chí đơn phương của người được đại diện. |

Câu 5. Hãy phân tích khái niệm tài sản được quy định tại Bộ luật dân sự 2005?

Theo quy định tại điều 163 BLDS 2005, tài sản bao gồm vật, tiền, các giấy tờ có giá và các quyền tài sản.

- Vật là bộ phận của thế giới vật chất có thể đáp ứng được một yêu cầu nào đó của con người, nằm trong sự chiếm hữu của con người, có thể đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai.
- Tiền là vật ngang giá chung, được sử dụng làm thước đo giá trị của các loại tài sản khác. Một tài sản được coi là tiền khi nó đang có giá trị lưu hành trên thực tế. Tiền chỉ do cơ quan duy nhất là ngân hàng nhà nước ban hành.
- Giấy tờ có giá: được hiểu là giấy tờ trị giá được bằng tiền và chuyển giao được trong giao dịch dân sự. Ví dụ như: séc, cổ phiếu, trái phiếu... có thể do rất nhiều cơ quan ban hành như chính phủ, ngân hàng, kho bạc, các công ty cổ phần...
- + Giấy tờ có giá có thể có mệnh giá hoặc không có mệnh giá, có thể có thời hạn sử dụng hoặc không có thời hạn sử dụng, ghi danh hoặc không ghi danh.

- + Các loại giấy tờ xác nhận quyền sử hữu, quyền sử dụng đối với tài sản như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký ô tô... không phải là giấy tờ có giá.
- Quyền tài sản: là quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự, kể cả quyền sử hữu trí tuệ.
- + Quyền tài sản hiểu theo nghĩa rộng là quyền của chủ thể được pháp luật cho phép thực hiện hành vi xử sự đối với tài sản của mình và yêu cầu người khác phải thực hiện 1 nghĩa vụ đem lại lợi ích vật chất cho mình.
- + Pháp luật VN công nhận 1 số quyền tài sản như quyền sử dụng đất, quyền đòi nợ, quyền sở hữu công nghiệp, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng...

Câu 6. Hãy phân tích các căn cứ xác lập quyền sở hữu?

- **Dựa vào nguồn gốc của sự kiện pháp lý:**
- + Xác lập theo hợp đồng hoặc giao dịch 1 bên:
 - Các hợp đồng: mua bán, tặng, cho, cho vay, ... nếu được xác lập phù hợp với quy định của BLDS, thì những người được chuyển giao tài sản thông qua các giao dịch hợp pháp có quyền sở hữu đối với tài sản đó.
 - Việc nhận tài sản từ di sản thừa kế của người chết theo di chúc hoặc những người được hưởng trong hứa thưởng và thi có giải có quyền sở hữu đối với tài sản đã nhận theo di chúc hoặc tài sản đã nhận thưởng.
- + Xác lập theo quy định của pháp luật:
 - Kết quả của lao động sản xuất
 - Do các sự kiện sáp nhập, trộn lẫn, chế biến là sự hợp nhất tài sản của nhiều chủ sở hữu khác nhau.
 - Do các sự kiện không xác định được chủ sở hữu hoặc do bị chôn giấu, đánh rơi, bỏ quên.
 - Do các sự kiện gia súc, gia cầm, vật nuôi dưới nước bị thất lạc.
 - Do được thừa kế tài sản theo pháp luật.
- + Xác lập theo căn cứ riêng:

Xác lập quyền sở hữu theo bản án, quyết định của tòa án, của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- **Dựa vào quy trình hình thành:**
- + Căn cứ đầu tiên: Là những sự kiện pháp lý do đó mà quyền sở hữu đầu tiên được xác lập đối với vật. Theo căn cứ này quyền sở hữu mới phát sinh không phụ thuộc vào ý chí của chủ sở hữu trước đó.
- + Căn cứ thế tục: Là những sự kiện pháp lý xác lập quyền sở hữu mới trên cơ sở chuyển dịch quyền theo ý chí của chủ sở hữu cũ thông qua các hợp đồng dân sự hợp pháp hoặc do thừa kế.

Câu 7. Hãy so sánh giữa thừa kế theo pháp luật và thừa kế theo di chúc?

- Thừa kế theo di chúc là việc chuyển dịch tài sản của người đã chết cho người còn sống theo ý chí của người đó trước khi chết được thể hiện trong di chúc.
- Thừa kế theo pháp luật là việc dịch chuyển tài sản của người chết cho người còn sống theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.

❖ Khác nhau:

| Tiêu chí | Thừa kế theo di chúc | Thừa kế theo pháp luật |
|--------------------------|--|--|
| Căn cứ xác lập | Việc chuyển dịch tài sản của người đã chết cho người còn sống theo ý chí của người đó trước khi chết được thể hiện trong di chúc. | -Người chết không để lại di chúc. -Việc dịch chuyển tài sản của người chết cho người còn sống theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định. |
| Loại chủ thể | Đối tượng thừa kế có thể là cá nhân, tổ chức hay Nhà nước. | Người thừa kế chỉ có thể là cá nhân, phải là người có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng với người để lại di sản. |
| Quyền của chủ thể | Một số đối tượng được hưởng di sản bằng 2/3 suất của 1 người thừa kế theo pháp luật nếu họ không được lập di chúc như: Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng. Con đã thành niên mà không có khả năng lao động. | Người thừa kế bình đẳng với nhau, không phụ thuộc vào mức độ năng lực hành vi dân sự. |
| Căn cứ phân chia tài sản | Nội dung di chúc Di tặng | Hàng thừa kế Thừa kế thế vị |
| Người để lại di sản | Người đã lập di chúc, đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự | Không phân biệt |

❖ Giống nhau:

- Người hưởng thừa kế phải còn sống trước thời điểm mở thừa kế.
- Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trong trường hợp TA tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại điều 81 BLDS 2005.
- Tài sản của người chết đều chuyển dịch cho những người còn sống dựa trên ý chí của người đó hoặc theo căn cứ pháp luật.
- Người để lại di sản thừa kế chỉ có thể là cá nhân.
- Địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản, nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng thì địa điểm mở thừa kế là nơi có toàn bộ hoặc phần lớn tài sản.
- Các trường hợp không được hưởng thừa kế:
 - + Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc hành vi ngược đãi nghiêm trọng.
 - + Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản.
 - + Người có hành vi cưỡng ép, lừa dối hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc.

Câu 8. Hãy phân tích về đối tượng điều chỉnh của luật tố tụng dân sự?

➤ Đối tượng điều chỉnh của luật tố tụng dân sự là những quan hệ nảy sinh giữa các chủ thể trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Đó là các quan hệ giữa Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và các chủ thể khác như người làm chứng, người giám định, người phiên dịch, người định giá tài sản... nảy sinh trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, cụ thể:

- Quan hệ giữa giữa Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án với đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và các chủ thể khác có liên quan;
- Quan hệ giữa giữa Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan thi hành án với nhau;
- Quan hệ giữa đương sự với các chủ thể khác có liên quan.

Các quan hệ thuộc đối tượng điều chỉnh của luật tố tụng dân sự không có sự bình đẳng giữa các chủ thể, trong đó Tòa án, Cơ quan thi hành án là các chủ thể có vai trò quyết định đối với việc giải quyết vụ việc dân sự.

➤ Vụ việc dân sự là vụ việc phát sinh từ các quan hệ pháp luật dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động do Tòa án giải quyết. Vụ việc dân sự chia làm hai loại:

+ Vụ án dân sự: là việc có sự tranh chấp về quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự mà họ không thể thương lượng được nên nhờ Tòa án giải quyết.

+ Việc dân sự: là loại vụ việc dân sự mà sự phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật phải do Tòa án xem xét quyết định như: Tòa án xem xét yêu cầu tuyên bố một người là mất tích hoặc đã chết; bị hạn chế hay bị mất năng lực hành vi dân sự, hủy bỏ quyết định tuyên bố một người là mất tích hay đã chết, yêu cầu hủy bỏ việc kết hôn trái pháp luật ...

Nhóm câu 20 điểm:

Câu 1. Hãy nêu khái niệm và phân tích các đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự?

❖ Khái niệm:

Quan hệ pháp luật dân sự là những quan hệ xã hội được các quy phạm pháp luật dân sự điều chỉnh.

❖ Đặc điểm:

- Chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật dân sự đa dạng, bao gồm: cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình và tổ hợp tác. Khi tham gia vào quan hệ pháp luật dân sự, các chủ thể độc lập với nhau về tổ chức và tài sản.

- Địa vị pháp lý của các chủ thể dựa trên cơ sở bình đẳng, không bị phụ thuộc vào các yếu tố xã hội khác.

- Lợi ích (trước tiên là lợi ích kinh tế) là tiền đề trong phần lớn các quan hệ dân sự vì quan hệ tài sản mang tính chất hàng hóa – tiền tệ.

- Các biện pháp cưỡng chế đa dạng không chỉ do pháp luật quy định mà có thể tự các bên quy định về các biện pháp cưỡng chế cụ thể, về hình thức áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó. Nhưng đặc tính tài sản là đặc trưng cho các biện pháp cưỡng chế trong luật dân sự.

Câu 2. Anh (Chị) hãy phân tích về năng lực hành vi dân sự của cá nhân?

❖ Khái niệm: Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.

❖ Mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân:

- Năng lực hành vi đầy đủ:

Người thành niên là người có đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp bị tuyên bố mất năng lực hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- Năng lực hành vi một phần:

- + Người từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi hoặc pháp luật có quy định khác.

- + Người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi có tài sản riêng đủ để thực hiện nghĩa vụ được xác lập, thực hiện giao dịch và phải chịu trách nhiệm trong phạm vi tài sản họ có, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

- Không có năng lực hành vi:

Người chưa đủ 6 tuổi không có năng lực hành vi dân sự. Mọi giao dịch của những người này đều do người đại diện xác lập và thực hiện.

- Mất năng lực hành vi dân sự và hạn chế năng lực hành vi dân sự

- + Nếu cá nhân bị bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được các hành vi của mình thì bị coi là mất năng lực hành vi dân sự.

- + Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Câu 3. Hãy phân tích các loại người giám hộ?

Có 2 hình thức giám hộ: giám hộ đương nhiên và giám hộ được cử.

- Giám hộ đương nhiên là hình thức giám hộ do pháp luật quy định, người giám hộ đương nhiên chỉ có thể là cá nhân.

- Giám hộ được cử là hình thức cử người giám hộ theo trình tự do pháp luật quy định, cá nhân, cơ quan, tổ chức đều có thể trở thành người giám hộ được cử.

❖ **Giám hộ đương nhiên của người mất năng lực hành vi dân sự:**

- Trong trường hợp vợ mất năng lực hành vi dân sự thì chồng là người giám hộ và ngược lại.

- Trường hợp cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự hoặc một người mất năng lực hành vi dân sự còn người kia không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì con cả là người giám hộ, nếu con cả không có điều kiện làm người giám hộ thì con tiếp theo là người giám hộ.

- Trong trường hợp người thành niên mất năng lực hành vi dân sự chưa có vợ, chồng, con hoặc có mà vợ, chồng, con đều không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì cha, mẹ là người giám hộ.

❖ **Giám hộ đương nhiên của người chưa thành niên:**

Người giám hộ đương nhiên của người chưa thành niên mà không còn cả cha và mẹ, không xác định được cha, mẹ hoặc cả cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ hoặc cha, mẹ không có điều kiện chăm sóc, giáo dục người chưa thành niên đó và nếu cha, mẹ có yêu cầu, được xác định như sau:

- Trong trường hợp anh ruột, chị ruột không có thỏa thuận khác thì anh cả hoặc chị cả là người giám hộ của em chưa thành niên; nếu anh cả hoặc chị cả không có đủ điều kiện thì anh, chị tiếp theo là người giám hộ.

- Trường hợp không có anh chị ruột hoặc anh chị ruột không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại là người giám hộ; nếu không có ai trong số những người thân thích này có đủ điều kiện làm người giám hộ thì bác, chú, cậu, cô, dì là người giám hộ.

❖ **Giám hộ được cử:**

Trường hợp người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự không có giám hộ đương nhiên thì UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú của người sẽ cử người giám hộ, đề nghị tổ chức nhận việc giám hộ.

- Việc cử người giám hộ phải được lập thành văn bản, trong đó ghi rõ lý do cử người giám hộ, quyền, nghĩa vụ cụ thể của người giám hộ, tình trạng tài sản của người được giám hộ.

- Việc cử người giám hộ phải được sự đồng ý của người được cử làm người giám hộ.

Câu 4. Hãy nêu khái niệm và phân tích các điều kiện của pháp nhân?

❖ **Khái niệm:**

Pháp nhân là 1 tổ chức thống nhất, độc lập, hợp pháp có tài sản riêng và chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình, nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

❖ **Các điều kiện của pháp nhân:**

- **Được thành lập một cách hợp pháp:**

Một tổ chức được coi là hợp pháp nếu có mục đích, nhiệm vụ hợp pháp và được thành lập hợp pháp theo trình tự và thủ tục do luật quy định.

Tổ chức hợp pháp được Nhà nước công nhận dưới các dạng: cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, đăng kí hoặc công nhận. Nhà nước bằng các quy định về thẩm quyền ra quyết định thành lập, trình tự, thủ tục thành lập, điều kiện thành lập các tổ chức chi phối đến các tổ chức tồn tại trong xã hội.

- **Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ:**

Cơ cấu tổ chức chặt chẽ nhằm biến 1 tập thể người thành 1 thể thống nhất có khả năng thực hiện có hiệu quả nhất nhiệm vụ của tổ chức đó đặt ra khi thành lập.

Pháp nhân phải là 1 tổ chức độc lập. Pháp nhân có ý chí riêng và hành động theo ý chí của mình, chỉ với sự độc lập mà pháp luật thừa nhận thì 1 tổ chức mới có thể trở thành 1 chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.

- **Có tài sản độc lập và tự chịu trách nhiệm độc lập bằng tài sản đó:**

Tài sản của pháp nhân độc lập với tài sản của cá nhân – thành viên của pháp nhân, độc lập với cơ quan cấp trên của pháp nhân và các tổ chức khác.

Pháp nhân tham gia vào các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân như một chủ thể độc lập, và phải chịu trách nhiệm bằng tài sản của riêng mình.

- Nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập, có thể là nguyên đơn, bị đơn trước Tòa án.

Pháp nhân tham gia vào các quan hệ pháp luật với tư cách riêng, có khả năng hưởng quyền và gánh chịu các nghĩa vụ dân sự do pháp luật quy định phù hợp với điều lệ của pháp nhân.

Khi pháp nhân không thực hiện nghĩa vụ của mình hoặc gây thiệt hại cho cá nhân, pháp nhân khác thì pháp nhân có thể là bị đơn trước tòa. Ngược lại, cá nhân hoặc pháp nhân khác không thực hiện nghĩa vụ, gây thiệt hại cho pháp nhân thì pháp nhân có thể khởi kiện trước tòa để bảo vệ quyền lợi của mình.

Câu 5. Hãy phân tích nội dung của quan hệ pháp luật dân sự?

Nội dung của quan hệ pháp luật dân sự là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia vào các quan hệ đó.

❖ Quyền dân sự:

- Quyền dân sự là cách xử sự được phép của người có quyền năng.
- Chủ thể quyền trong các quan hệ dân sự có thể thực hiện những hành vi khác nhau phù hợp với nội dung, mục đích của quyền năng đó như chủ sở hữu có các quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt.
- Khi quyền dân sự bị vi phạm, chủ thể quyền có thể sử dụng các biện pháp bảo vệ mà pháp luật cho phép.

- Trong khoa học quản lý tồn tại khái niệm quyền chủ quan và quyền khách quan:

- + Quyền khách quan là quyền dân sự được pháp luật quy định cho các chủ thể, là nội dung năng lực pháp luật của chủ thể.

- + Quyền chủ quan là quyền dân sự của chủ thể trong một quan hệ dân sự cụ thể đã được xác lập.

❖ Nghĩa vụ dân sự:

- Là cách xử sự bắt buộc của người có nghĩa vụ.
- Cách xử sự của các chủ thể cũng rất khác nhau tùy theo từng quan hệ dân sự cụ thể.
- Thông thường, trong các quan hệ dân sự, nghĩa vụ của 1 chủ thể tương ứng với quyền của chủ thể khác.
- Người có nghĩa vụ có thể là phải thực hiện những hành vi tích cực dưới dạng hành động (như trả tiền, giao vật trong mua bán, ...) hay có thể lựa chọn cách thức xử sự có lợi nhất cho họ (vd: để bồi thường thiệt hại do mình gây ra, người có nghĩa vụ có thể bồi thường bằng tiền hoặc hiện vật hoặc sửa chữa đồ vật bị hỏng).

Câu 6. Hãy trình bày hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu?

❖ Khái niệm:

Giao dịch dân sự vô hiệu là giao dịch không tuân thủ 1 trong các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:

- Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự.
- Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện.
- ❖ Hậu quả pháp lý:
 - Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập.
 - Các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu như khi chưa xác lập giao dịch. Nếu giao dịch chưa được thực hiện thì các bên không được thực hiện giao dịch đó. Nếu giao dịch đã được thực hiện toàn bộ hay 1 phần thì các bên không được tiếp tục thực hiện và phải hoàn trả cho nhau những lợi ích vật chất đã nhận của nhau. Nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật.
 - Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại.
 - Thời hạn tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là 2 năm kể từ ngày giao dịch được xác lập đối với giao dịch dân sự vô hiệu tương đối. Đối với giao dịch dân sự vô hiệu tuyệt đối, thời hạn tuyên bố vô hiệu không hạn chế.

Câu 7. Hãy nêu các khái niệm: Hợp đồng đơn vụ, hợp đồng song vụ, hợp đồng có đền bù và hợp đồng không có đền bù?

- Hợp đồng song vụ là hợp đồng mà các bên chủ thể đều có nghĩa vụ. Hay nói cách khác, mỗi 1 bên chủ thể của hợp đồng song vụ là người vừa có quyền lại vừa có nghĩa vụ dân sự. Trong nội dung của hợp đồng này, quyền dân sự của bên này đối lập tương ứng với nghĩa vụ của bên kia và ngược lại.
- Hợp đồng đơn vụ là những hợp đồng mà trong đó một bên chỉ có nghĩa vụ mà không có quyền gì đối với bên kia và bên kia là người có quyền nhưng không phải thực hiện một nghĩa vụ nào.
- Hợp đồng có đền bù là loại hợp đồng mà trong đó mỗi bên chủ thể sau khi đã thực hiện cho bên kia một lợi ích sẽ nhận được từ bên kia một lợi ích tương ứng.
- Hợp đồng không có đền bù là những hợp đồng mà trong đó một bên nhận được từ bên kia một lợi ích nhưng không phải giao lại một lợi ích nào.

Câu 8. Hãy phân tích về chế độ pháp lý đối với vật?

❖ Khái niệm: Chế độ pháp lý đối với vật là tổng hợp các quy phạm pháp luật quy định trình tự, phương thức dịch chuyển vật đó.

❖ Chế độ pháp lý đối với vật:

- **Vật cấm lưu thông:**

Đó là những vật vì vai trò to lớn của nó đối với nền kinh tế quốc dân hoặc đối với an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia ... Nhà nước cấm mua bán, chuyển dịch, chuyển nhượng ... Việc lưu thông các loại vật này do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Ngoài ra, những tài sản thuộc sở hữu nhà nước như: đất đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước... về nguyên tắc là tài sản cấm lưu thông.

- **Vật hạn chế lưu thông:**

Bao gồm những vật có ý nghĩa quan trọng khác nhau trong nền kinh tế quốc dân, an ninh, quốc phòng... do đó pháp luật có những quy định riêng. Nhà nước phải kiểm soát sự dịch chuyển của các loại

vật đó. Việc dịch chuyển quyền sở hữu nhất thiết phải tuân theo những quy định riêng của pháp luật. Ví dụ: các loại vũ khí thể thao, súng săn, thanh toán bằng ngoại tệ với số lượng lớn...

- **Vật tự do lưu thông:**

Là những vật còn lại và không có quy định cụ thể nào của pháp luật xác định trực tiếp đối với việc dịch chuyển vật đó. Những vật này chủ yếu là tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt thông thường.

Câu 9. Hãy phân tích về quyền chiếm hữu tài sản trong dân sự?

❖ **Khái niệm:**

Quyền chiếm hữu là quyền năng của chủ sở hữu tự mình nắm giữ, quản lý tài sản thuộc sở hữu. Đó cũng là quyền kiểm soát, làm chủ và chi phối vật đó theo ý chí của mình, không bị hạn chế và gián đoạn về thời gian.

Trong thực tế, chủ sở hữu thường tự mình bằng các hành vi của bản thân để thực hiện quyền chiếm hữu tài sản.

❖ **Phân loại:**

- **Chiếm hữu có căn cứ pháp luật:**

Là hình thức chiếm hữu tài sản một cách hợp pháp. Sự chiếm hữu được coi là hợp pháp, trước hết là sự chiếm hữu tài sản của chủ sở hữu. Người không phải là chủ sở hữu thì chỉ được coi là chiếm hữu hợp pháp khi:

- + Người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản.
- + Người được chuyển giao quyền chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự phù hợp với ý chí của chủ sở hữu.
- + Người phát hiện và giữ các tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, bị chôn giấu, chìm đắm phù hợp với quy định của pháp luật.
- + Các trường hợp khác do pháp luật quy định: chiếm hữu trên cơ sở mệnh lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do pháp luật quy định có quyền đương nhiên chiếm hữu vật.

- **Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật:**

Là việc chiếm hữu đối với tài sản mà không dựa trên những cơ sở của pháp luật.

- + **Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật ngay tình:** Là người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng không biết và không thể biết việc chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật.
- + **Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật không ngay tình:** Là người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật biết đó là chiếm hữu bất hợp pháp hoặc tuy không biết nhưng cần phải biết rằng người chuyển dịch tài sản cho mình là người không có quyền chuyển dịch, hoặc phải biết tài sản đó bị cấm chuyển dịch.

Câu 10. Hãy phân tích về quyền sử dụng tài sản trong dân sự?

- Là quyền khai thác công dụng và khai thác những lợi ích vật chất của tài sản trong phạm vi pháp luật cho phép.

- Việc sử dụng tài sản là một trong những quyền năng quan trọng và có ý nghĩa thực tế của chủ sở hữu. Chủ sở hữu có toàn quyền sử dụng tài sản phù hợp với tính năng, công dụng của tài sản nhưng không được gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Thông thường, chủ sở hữu trực tiếp sử dụng tài sản của mình nhưng có thể được chuyển giao cho người khác trên cơ sở một hợp đồng hợp pháp của chủ sở hữu.
 - Cơ quan hoặc tổ chức cũng có quyền sử dụng tài sản trên cơ sở một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ví dụ: sử dụng tài sản bị trưng dụng.
 - Trường hợp chủ sở hữu không đủ trình độ chuyên môn để sử dụng tài sản là các phương tiện kỹ thuật hiện đại, chủ sở hữu phải thông qua người thứ ba để thực hiện quyền sử dụng tài sản thì mới khai thác được các lợi ích vật chất, tính năng của tài sản.
 - Người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình cũng có quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản theo quy định của pháp luật.

Câu 11. Hãy phân tích về quyền định đoạt tài sản trong dân sự?

- Là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản hoặc từ bỏ quyền sở hữu đó.
- Chủ sở hữu thực hiện quyền định đoạt ở 2 góc độ:
 - + Định đoạt về số phận thực tế của các vật như: tiêu dùng hết, hủy bỏ hoặc từ bỏ quyền sở hữu đối với vật.
 - + Định đoạt về số phận pháp lý của vật là việc chuyển giao quyền sở hữu đối với vật từ người này sang người khác. Thông thường việc này phải thông qua các giao dịch phù hợp với ý chí của chủ sở hữu như bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế... ; chuyển quyền chiếm hữu tạm thời...
 - Người định đoạt tài sản phải là người có năng lực hành vi. Tức là, người đó phải có đầy đủ tư cách chủ thể. Việc định đoạt tài sản có thể thực hiện bởi chủ sở hữu nhưng cũng có thể được thực hiện bởi chủ thể khác. Chủ sở hữu có thể ủy quyền cho người khác định đoạt tài sản theo phương pháp, cách thức phù hợp với ý chí và lợi ích của mình.
 - Chủ sở hữu bị hạn chế quyền định đoạt trong những trường hợp bị kê biên hoặc những tài sản đã được đem đi làm vật bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ.
 - Trong một số trường hợp pháp luật quy định, những người không phải chủ sở hữu, chủ sở hữu không ủy quyền, việc định đoạt có thể không theo ý chí của chủ sở hữu nhưng vẫn có quyền định đoạt. Đó là việc cơ quan, tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật, chấp hành viên ký hợp đồng bán đấu giá để thi hành án, hiệu cầm đồ được quyền bán tài sản nếu hết thời hạn đã thỏa thuận mà người vay không trả được tiền vay.

Câu 12. Hãy nêu khái niệm và phân loại thời hạn?

❖ Khái niệm:

Thời hạn là một khoảng thời gian có điểm đầu và điểm cuối xác định. Gồm 3 yếu tố: thời điểm bắt đầu, khoảng thời gian và thời điểm kết thúc.

❖ Phân loại:

- Dựa vào trình tự xác lập:

- Thời hạn do luật định: là thời hạn pháp luật quy định bắt buộc đối với các chủ thể tham gia giao dịch, chủ thể không được phép thay đổi thời hạn đó.
- Thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ấn định: căn cứ vào các quy định pháp luật mang tính định hướng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ xác định một thời gian để các bên chủ thể thực hiện.
- Thời hạn do các chủ thể tự xác định: các bên có thể thỏa thuận trong thời hạn mà pháp luật quy định. Các bên cũng có thể thỏa thuận khác đi so với quy định của pháp luật với điều kiện thỏa thuận đó không vi phạm pháp luật.
 - Dựa vào tính xác định:
 - Thời hạn xác định: là loại thời hạn được quy định rõ ràng bằng cách xác định chính xác thời điểm bắt đầu, kết thúc.
 - Thời hạn không xác định: là thời hạn trong đó chỉ quy định một cách tương đối khoảng thời gian mà không xác định chính xác khoảng thời gian đó.

Câu 13. Hãy nêu khái niệm và phân loại thời hiệu?

❖ Khái niệm:

Thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự, được miễn trừ nghĩa vụ dân sự hoặc mất quyền khởi kiện.

Như vậy, thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định, các chủ thể tham gia vào quan hệ dân sự không thể thỏa thuận để kéo dài hoặc rút ngắn thời hạn này.

❖ Phân loại:

- Thời hiệu hưởng quyền dân sự: Là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó, chủ thể được hưởng quyền dân sự.
- Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự: là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì người có nghĩa vụ dân sự được miễn việc thực hiện nghĩa vụ đó.
- Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự: là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện hoặc nộp đơn yêu cầu để tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

Câu 14. Hãy phân tích các nguyên tắc của quyền thừa kế?

- **Pháp luật bảo hộ quyền thừa kế tài sản của cá nhân:**

Pháp luật bảo đảm quyền định đoạt của cá nhân đối với tài sản sau khi cá nhân đó chết thông qua việc lập di chúc, nếu không lập di chúc để định đoạt tài sản của mình thì việc thừa kế được giải quyết theo pháp luật.

- **Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền thừa kế:**

Mọi cá nhân không phân biệt nam, nữ, tuổi tác, thành phần, tôn giáo, địa vị chính trị xã hội... đều có quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo luật.

- **Nguyên tắc tôn trọng quyền định đoạt của người có tài sản, người hưởng di sản:**

Nếu người chết để lại di chúc thì việc thừa kế sẽ tiến hành theo di chúc, theo sự định đoạt của người có tài sản mà trước lúc chết, họ đã thể hiện ý nguyện của mình trong việc phân chia tài sản thuộc quyền sở hữu của người đó. Tuy nhiên, việc định đoạt của người lập di chúc bị hạn chế trong trường hợp quy định tại điều 669 BLDS 2005. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản trừ trường hợp việc từ chối di sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ về tài sản với người khác.

- **Củng cố, giữ vững tình thương yêu và đoàn kết trong gia đình:**

Nguyên tắc này xuất phát từ nguyên tắc chung trong quan hệ dân sự: Việc xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự phải đảm bảo giữ gìn bản sắc dân tộc, tôn trọng và phát huy phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp, tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, mỗi người vì cộng đồng, cộng đồng vì mỗi người và các giá trị đạo đức cao đẹp của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Từ truyền thống đoàn kết trong gia đình, từ mục đích của chế độ hôn nhân và gia đình của ta nhằm xây dựng những gia đình dân chủ, hòa thuận, hạnh phúc, trong đó mọi người đoàn kết, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Tinh thần đoàn kết, tương trợ giữa những người trong gia đình cần được giữ vững ngay cả khi 1 người chết và vấn đề thừa kế được đặt ra.

Câu 15. Hãy trình bày về hiệu lực pháp luật của di chúc?

Hiệu lực pháp luật của di chúc là di chúc được thực hiện trên thực tế theo đúng nội dung của di chúc, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Di chúc có hiệu lực pháp luật từ thời điểm mở thừa kế.

Di chúc không có hiệu lực pháp luật toàn bộ hoặc 1 phần trong các trường hợp sau:

- Người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc.
- Cơ quan, tổ chức được chỉ định là người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế.
- Trong trường hợp có nhiều người thừa kế theo di chúc mà có người chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc, một trong nhiều cơ quan, tổ chức được chỉ định hưởng thừa kế theo di chúc không còn vào thời điểm mở thừa kế thì chỉ phần di chúc liên quan đến cá nhân, cơ quan, tổ chức này không có hiệu lực pháp luật.

- Di chúc không có hiệu lực pháp luật nếu di sản để lại cho người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế, nếu di sản để lại cho người thừa kế chỉ còn 1 phần thì phần di chúc về phần di sản còn lại vẫn có hiệu lực.

- Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật.

- Khi 1 người để lại nhiều bản di chúc đối với 1 tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực pháp luật.

- Trong trường hợp vợ, chồng cùng lập di chúc chung mà có 1 người chết trước thì phần di chúc liên quan đến phần di sản của người chết trong tài sản chung chưa có hiệu lực pháp luật. Sau khi cả 2 vợ chồng đều đã chết thì di chúc chung mới có hiệu lực.

Câu 16. Hãy nêu khái niệm, điều kiện và phạm vi khởi kiện vụ án dân sự?

❖ Khái niệm:

Khởi kiện vụ án dân sự là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức hoặc các chủ thể khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nộp đơn yêu cầu tòa án có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hay của người khác.

❖ Điều kiện:

- Về chủ thể khởi kiện:

+ Cá nhân khi khởi kiện phải có năng lực hành vi tố tụng dân sự đồng thời phải có quyền lợi bị xâm phạm.

+ Cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án dân sự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc người khác.

- Vụ án khởi kiện phải thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

- Thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vụ án dân sự là 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước bị xâm phạm.

- Nếu 1 vụ án đã được tòa án giải quyết bằng 1 bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật thì đương sự không được khởi kiện lại đối với vụ án đó nữa, trừ các trường hợp có quy định của pháp luật.

❖ Phạm vi:

- Cá nhân, cơ quan, tổ chức có thể khởi kiện 1 hoặc nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về 1 quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng 1 vụ án.

- Nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức có thể cùng khởi kiện 1 cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về 1 quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng 1 vụ án.

- Cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền do bộ luật TTDS quy định có thể khởi kiện đối với 1 hoặc nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về 1 quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng 1 vụ án.

ABOUT

Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

Liên hệ và kết nối với chúng tôi:

- ✓ Facebook: facebook.com/HoTroOnTap
- ✓ Fanpage: facebook.com/HoTroOnTapPage
- ✓ Group: facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup
- ✓ Website: hotroontap.com